

Bản án số: 329/2020/HSST
Ngày: 21/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Trần Thanh Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Ma Thị Huyền Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 335/HSST ngày 29/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2020/QĐXXST-HS ngày 10/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 23/10/1989

Tên gọi khác : Không, Giới T : Nam

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Trạm, xã Sa Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Chí; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội(Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Trần Văn Hồ, sinh năm 1966; Con bà: Lý Thị Thăng, sinh năm 1966; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ, con: Chưa có

- Tiền án: 02

+ Tại Bản án số 41/2015/HSST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội “ Trộm cắp tài sản” chấp hành xong bản án ngày 25/10/2016

+ Tại Bản án số 62/2018/HSST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 07/5/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/5/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH. Có mặt tại phiên tòa

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo T : Luật sư Nguyễn Công Q – Văn phòng luật sư An Toàn – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh TH(Có mặt tại phiên tòa). Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo có đơn đề nghị từ chối mời luật sư bào chữa. Tại phiên tòa, bị cáo từ chối mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tại phiên tòa*

Người bị hại: Anh Chu Đình D sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, xã Sơn Cẩm, TP TH, tỉnh TH

Người làm chứng: Trần Văn Q sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, phường Quang Vinh, TP TH, tỉnh TH

Người chứng kiến: Nguyễn Văn M, sinh năm 1960(Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, xã Sơn Cẩm, TP TH, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/5/2020, Trần Văn T mượn xe mô tô BKS 20F7 – 0474 của anh Trần Văn Quang, sinh năm 1969, trú tại: tổ 5, phường Quang Vinh, thành phố TH với mục đích đi xem ai có sơ hở tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khoảng 14 giờ cùng ngày T điều khiển xe đến trước cửa hàng bán gạo ở xóm 7, xã Sơn Cẩm, thành phố TH (sau xác định là cửa nhà anh Chu Đình D, sinh năm 1965). T quan sát thấy có 01 chiếc cân đồng hồ, nhãn hiệu Nhân Hòa, loại 100kg để ở bậc thềm trước cửa nhà không có ai trông coi. T liền dừng xe bên lề đường, cách cửa hàng nhà anh D khoảng 2m, rồi đi bộ thẳng vào vị trí để chiếc cân, dùng hai tay bê chiếc cân đi ra chỗ để xe mô tô rồi để chiếc cân lên xe. Lúc này anh D đang ở trong nhà nhìn thấy T trộm cắp chiếc cân liền chạy ra hô hoán cùng quần chúng nhân dân bắt giữ T và báo Công an xã Sơn Cẩm, thành phố TH đến lập biên bản và thu giữ chiếc cân cùng chiếc xe mô tô BKS 20F7 – 0474.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 97 ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01 chiếc cân đồng hồ lò xo, loại 100kg nhãn hiệu Nhân Hòa đã qua sử dụng của anh Chu Đình D có trị giá **650.000 đồng**.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị can phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Vật chứng của vụ án: - 01 chiếc cân đồng hồ lò xo, loại 100kg nhãn hiệu Nhân Hòa đã được thu hồi trả lại cho anh Chu Đình D quản lý sử dụng.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANLIM BKS 20F7 – 0474, quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Trần Văn Quang cho T mượn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã trả chiếc xe cho anh Quang là chủ sở hữu quản lý sử dụng.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri:1: 355123079149424; số Seri 2: 355123079149432, đã qua sử dụng

Tại bản cáo trạng số 345/CT- VKSTPTN ngày 29/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã quyết định truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T từ chối mời luật sư bào chữa cho bị cáo; Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH giữ nguyên bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: - 01 chiếc cân đồng hồ lò xo, loại 100kg nhãn hiệu Nhân Hòa đã được thu hồi trả lại cho anh Chu Đình D quản lý sử dụng.

* Vật chứng vụ án: - Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri:1: 355123079149424; số Seri 2: 355123079149432, đã qua sử dụng của bị cáo để thi hành án.

- Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANLIM BKS 20F7 – 0474, quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Trần Văn Quang cho T mượn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã trả chiếc xe cho anh Quang là chủ sở hữu quản lý sử dụng, anh Quang đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí ; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về T hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu được và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Văn T đã có hành vi trộm 01 chiếc cân đồng hồ lò xo, loại 100kg nhãn hiệu Nhân Hòa, đã qua sử dụng giá trị 650.000 đồng. Hiện tài sản trên đã được thu hồi trả cho các bị hại quản lý, sử dụng. Mặc dù giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích, do vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

Nội dung Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

b) Đã bị kết án về tội này ..., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”

[4] . Về T chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng:

- Xét T chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy, bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, là người nghiện ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Để đảm bảo T nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có

tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.. Xét thấy tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, Hội đồng xét xử nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cũng thể hiện T khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc với T chất, mức độ, hành vi của bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản gì riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6]. Về các vấn đề khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác, nên không xem xét.

- Về vật chứng: Về chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri:1: 355123079149424; số Seri 2: 355123079149432, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện phạm tội, nên cần tạm giữ chiếc điện thoại di động trên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANLIM BKS 20F7 – 0474, quá trình điều tra xác định chiếc xe là của anh Trần Văn Quang cho T mượn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã trả chiếc xe cho anh Quang là chủ sở hữu quản lý sử dụng, anh Quang đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điều b, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Trần Văn T : **12**(Mười hai) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/05/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS năm 2015: Quyết định tạm giam bị cáo **45** (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại nên không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án: Tạm giữ của bị cáo điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen, số Seri:1: 355123079149424; số Seri 2: 355123079149432, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án

(Toàn bộ vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 449 ngày 21/8/2020 giữa Chi cục THADS thành phố TH, tỉnh TH với Công an thành phố TH)

4. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. TH;
- Công an TP. TH;
- TAND tỉnh TH;
- THADS TP. TH;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

TAND TP. TH
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TH, ngày 19 tháng 03 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....ngày 19 tháng 03 năm 2019

Tại: Phòng nghị án – Tòa án nhân dân thành phố TH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Trần Kim Liên

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2019/TLST - HS ngày 01 tháng 02 năm 2019 đối với:

Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1983.

Tên gọi khác: Không

Nơi đăng ký NKTT: Thôn Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tuấn phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. *Về điều luật áp dụng :* Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. *Về mức hình phạt:*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tuấn: 18 (Mười tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị cáo đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. *Về các vấn đề khác:*

* *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cặp vải màu đen nhãn hiệu thủ đô vàng kích thước 50cm x 40cm x 15 cm, bên trong có 01 cặp trình kí giả da màu đỏ kích thước khoảng 30cm x 40cm.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 05(năm) hộp bút bi nhãn hiệu lần lượt là: Plog; Plog; Winner; Tizo; Hoa Việt.

Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 95 ngày 04/01/2019).

* *Về trách nhiệm dân sự:* Tài sản đã trả lại cho người bị hại nên không xem xét

* *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

* *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... phút, ngày 19 tháng 03 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hồi 11 giờ 30 phút, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Tại Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa, ông Nguyễn Quang Huy

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số 302/2018 /HSST ngày 18/7/2018 đối với các bị cáo Nông Văn Luân, Hà Sỹ Phúc

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Các bị cáo Nông Văn Luân, Hà Sỹ Phúc phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về mức hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nông Văn Luân 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bị bắt tạm giam ngày 11/5/2018.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo Nông Văn Luân 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 96 Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt đối với bị cáo Hà Sỹ Phúc.

- Áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo Hà Sỹ Phúc 12 (mười hai) tháng. Thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng T từ ngày chấp hành bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 03 chìa khóa xe mô tô đã qua sử dụng do Nông Văn Luân giao nộp đang được bảo quản tại kho vật chứng của chi Cục thi hành án dân sự thành phố TH chờ xử lý.

- Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nông Văn Luân, Hà Sỹ Phúc, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đồng Huy Hưởng

